

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 647/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ánh Phượng;
- Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 442/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị L, sinh ngày 15/11/19xx, căn cước công dân số 012345678901 (có đơn giải quyết vắng mặt); Địa chỉ: số 1xx/2x/3 đường H, phường A (tên cũ: phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Thanh P, sinh ngày 01/5/1984, căn cước công dân số 012345678901 (vắng mặt); Địa chỉ: số 1xx/2x/3 đường H, phường A (tên cũ: phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. *Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:* bà và ông Huỳnh Thanh P chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, cấp ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông P không quan tâm đến con cái, không cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình, đi làm không đóng góp tài chính để chăm lo cho các con, đỉnh điểm là ngày 28/3/2025 ông P say rượu và có lời lẽ, hành động không hay rồi đuổi bà L đi nên hai bên sống ly thân từ khi đó đến nay và cũng không hàn gắn được. Bà L đã bỏ qua nhiều lần để hàn gắn cùng ông P và cho con cái có cuộc sống đầy đủ cha mẹ nhưng ông P không thay đổi theo chiều hướng tốt lên. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà L đang làm việc tự do nhận lương hàng tháng bằng tiền mặt và không có ký hợp đồng lao động, mức thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, bà L hoàn toàn có đủ khả năng nuôi con, bà L không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án nhằm chứng minh mức thu nhập cũng như khả năng nuôi con của bà nhưng bà luôn cố gắng làm việc chăm chỉ nhất có thể để nuôi các con được đủ đầy.

Ông P cũng là người lao động tự do với mức thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng nhưng bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án, bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Thanh P. Về con chung có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Huỳnh Thanh P: vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố.

3. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Thanh P vắng mặt.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Huỳnh Thanh P; giao con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Thanh P có đăng ký kết hôn, bà L có yêu cầu ly hôn với ông P nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông Huỳnh Thanh P cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật; nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông P trong quá trình chung sống phải tạo dựng hạnh phúc, phải biết thương yêu, chăm sóc, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, phải chung thủy và cùng nhau nuôi dạy con cái, cùng làm kinh tế gia đình để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, hai ông bà không thực hiện những điều cơ bản đó mà lại mâu thuẫn về cách sống, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã trầm trọng nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì phản đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, do đó ông P đã từ bỏ quyền phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, bà L được ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx. Bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung.

Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, trẻ Ngọc có nguyện vọng được sống cùng mẹ và em của mình; do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của hai trẻ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác:* bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không có ý kiến hay yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Huỳnh Thanh P:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020, cấp ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh H cấp cho bà Trần Thị L và ông Huỳnh Thanh P không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx.

Giao con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 15/8/20xx và Huỳnh Thanh H sinh ngày 09/8/20xx cho bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trần Thị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Trần Thị L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; ông Huỳnh Thanh P không có ý kiến hay yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Trần Thị L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0077127 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: bà Trần Thị L và ông Huỳnh Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9 TPHCM;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh